

Tên: .....

Từ vựng &amp; Ngữ pháp: .....

Lớp: S7...

Nghe: .....

Ngày giao bài: Thứ ....., ngày ..../.....

Mini Test: .....

Ngày nộp bài: Thứ ....., ngày ..../.....

## GLOBAL ENGLISH 7

### UNIT 3: WHAT WE WEAR, WHAT WE WASTE – VOCABULARY 2 & FCE SPEAKING

#### A. VOCABULARY

##### - Materials & Fabrics

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	<b>wool</b> (n)	len (sợi lông cừu, dê, dùng để dệt vải)	4	<b>silk</b> (n)	lụa (sản phẩm từ tơ tằm)
2	<b>polyester</b> (n)	sợi polyester (sợi tổng hợp dùng làm vải, quần áo)	5	<b>raw material</b> (n)	nguyên liệu thô
3	<b>acrylic</b> (n)	sợi acrylic (sợi tổng hợp, tương tự len)	6	<b>thread</b> (n)	sợi chỉ, sợi dùng để may vá

##### - Nature & Environment

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	<b>algae</b> (n)	tảo	3	<b>habitat</b> (n)	môi trường sống, nơi sinh sống tự nhiên của động vật/thực vật
2	<b>foam</b> (n)	bọt (bọt nước, bọt xà phòng)			

##### - Others

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	<b>status</b> (n)	địa vị, vị thế (xã hội)	4	<b>cut down on</b> (phr.v)	cắt giảm, giảm bớt (tiêu thụ, sử dụng...)
2	<b>symbol</b> (n)	biểu tượng	5	<b>get rid of</b> (phr.v)	loại bỏ, vứt bỏ
3	<b>buckle</b> (n)	khóa (thắt lưng, giày, ba lô...)			

#### B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	<b>renovation</b> (n)	sự cải tạo	4	<b>organisation</b> (n)	sự tổ chức
2	<b>technical</b> (adj)	kỹ thuật	5	<b>pathway</b> (n)	lối đi
3	<b>assume</b> (v)	cho rằng	6	<b>deliberate</b> (adj)	có chủ ý, cố tình (không phải ngẫu nhiên)

\*Note: n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; v = verb: động từ;

phr.v = phrasal verb: cụm động từ đặc biệt.

\*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

#### C. HOMEWORK

#### VOCABULARY & GRAMMAR

##### I. Choose the correct answers.

0. This sweater is made of \_\_\_\_\_, so it feels warm in winter.
  - A. buckle
  - B. algae
  - C. silk
  - D. wool
1. Factories use cotton as a \_\_\_\_\_ material to produce T-shirts.
  - A. thread
  - B. raw
  - C. buckle
  - D. foam

2. She bought a beautiful dress made of \_\_\_\_\_, which is soft and shiny.  
 A. acrylic      B. wool      C. silk      D. algae

3. The fish died because their \_\_\_\_\_ was polluted.  
 A. habitat      B. buckle      C. thread      D. status

4. Shoes usually have a metal \_\_\_\_\_ to fasten them.  
 A. buckle      B. foam      C. symbol      D. polyester

5. We should try to \_\_\_\_\_ plastic waste to protect the environment.  
 A. wool      B. acrylic      C. material      D. cut down on

## II. Match the words/phrases with the correct definitions.

0. silk	0- <u>c</u>	a. a metal or plastic fastener used to join two ends of a belt, strap, or shoe
1. symbol	1- _____	b. a sign, shape, or object that represents an idea, quality, or organization
2. habitat	2- _____	c. a soft, smooth, and shiny fabric made from the threads produced by silkworms
3. buckle	3- _____	d. a type of artificial fiber or material that looks like wool
4. acrylic	4- _____	e. basic material used to produce goods, for example cotton, wood, or coal
5. raw material	5- _____	f. the natural place where an animal or plant normally lives and grows

## III. Fill in the blanks with the correct words in the box. Some words may not be used.

<b>wool</b>	<b>buckle</b>	<b>get</b>	<b>polyester</b>	<b>status</b>	<b>algae</b>	<b>raw</b>	<b>foam</b>
-------------	---------------	------------	------------------	---------------	--------------	------------	-------------

Sarah is working on a project about fashion and the environment. She begins by showing her sweater made of (0) wool, which is very warm in winter. Then she talks about a jacket produced from (1) \_\_\_\_\_, one of the most common synthetic fabrics.

In the science part of her project, Sarah explains that polluted lakes often turn green because of too much (2) \_\_\_\_\_ growing on the surface. She also warns that factories sometimes release dirty water full of (3) \_\_\_\_\_, which makes rivers look white and unhealthy. Later, she says that many young people buy expensive clothes as a sign of social (4) \_\_\_\_\_. Finally, she adds that it is important to (5) \_\_\_\_\_ rid of bad consumer habits and choose eco-friendly products instead.

## IV. Rewrite the sentences in the PRESENT PASSIVE form.

0. *They can recycle glass bottles.*

→ **Glass bottles can be recycled.**

1. You must wear a uniform at school.

→ \_\_\_\_\_.

2. People shouldn't throw rubbish into the river.

→ \_\_\_\_\_.

3. We have to complete the project by Friday.

→ \_\_\_\_\_.

4. You mustn't use mobile phones in the exam room.

→ \_\_\_\_\_.

5. Will they deliver the package tomorrow?

→ \_\_\_\_\_?

## CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.



Con làm bài nghe theo link/code sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/listening-b2-fce-346634605>



**Part 2:** You will hear a museum director called Carl Halford talking about the museum where he works. For questions 9–18, complete the sentences with a word or short phrase. Write **NO MORE THAN TWO WORDS** for each answer.

### Museum Director

The museum was last renovated in the year (9) \_\_\_\_\_.

People don't often notice the improvements in the (10) \_\_\_\_\_.

There are now (11) \_\_\_\_\_ exhibits on display.

The exhibits are arranged by their (12) \_\_\_\_\_.

Carl's favourite cup has a (13) \_\_\_\_\_ shape on the bottom.

The farm model includes two (14) \_\_\_\_\_ and a farmer.

Some children are scared of the statue's (15) \_\_\_\_\_.

The vase shows a man fighting with a (16) \_\_\_\_\_.

Carl is surprised at the (17) \_\_\_\_\_ decoration on one of the coins.

Carl likes a small stone with a picture of a (18) \_\_\_\_\_ on it.